

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH : HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

Mã ngành: 7340405

(Áp dụng từ khóa tuyển sinh 40)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNH, ngày tháng năm 2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình (Tiếng Việt): **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**

- Tên chương trình (Tiếng Anh): **MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**
- Mã ngành ¹: **7340405**
- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Chuẩn đầu vào: Thực hiện theo đề án tuyển sinh
- Thời gian đào tạo (theo thiết kế): **04 năm (08 học kỳ)**
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng 12 năm 2023**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – PO):

1.1. Mục tiêu chung: (PO)

Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có năng lực đáp ứng yêu cầu bậc 6 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam (ban hành theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm đối với xã hội; có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết về công nghệ thông tin và kinh tế, quản lý; có năng lực sáng tạo, cập nhật và ứng dụng các hệ thống thông tin hiện đại vào việc quản trị các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và tổ chức một cách hiệu quả trong thời đại số; đáp ứng các yêu cầu công việc tại các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài hoặc các công ty đa quốc gia.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (POi)

- PO1.** Có khả năng vận dụng kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo
- PO2.** Thể hiện phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.

¹ Mã ngành được ghi theo bảng mã ngành được Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.

PO3. Thể hiện kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp..

PO4. Có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập

PO5. Có kỹ năng vận dụng, phân tích, thiết kế và triển khai các hệ thống thông tin quản lý, đồng thời có khả năng điều phối và giám sát các nguồn lực liên quan đến triển khai các dự án hệ thống thông tin.

2. Chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Performance Indicator – PIn):

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng: ²

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được ³	GHI CHÚ
PLO1		Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	3	
	<i>PI 1.1</i>	Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.	3	
	<i>PI 1.2</i>	Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3	
PLO2		Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	4	
	<i>PI 2.1</i>	Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện.	4	
	<i>PI 2.2</i>	Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề	4	

² Mỗi PLO có tối đa 4 nội hàm; mỗi nội hàm được đo bằng một PI.

³ Theo thang đo năng lực.

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được ³	GHI CHÚ
PLO3		Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
	<i>PI 3.1</i>	Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.	4	
	<i>PI 3.2</i>	Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
PLO4		Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
	<i>PI 4.1</i>	Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	4	
	<i>PI 4.2</i>	Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
PLO5		Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng	4	
	<i>PI 5.1</i>	Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.	4	
	<i>PI 5.2</i>	Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.	4	
	<i>PI 5.3</i>	Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.	4	

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được ³	GHI CHÚ
PLO6		Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
	<i>PI 6.1</i>	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
	<i>PI 6.2</i>	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
PLO7		Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	4	
	<i>PI 7.1</i>	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành	4	
	<i>PI 7.2</i>	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành	4	
PLO8		Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	<i>PI 08.1</i>	Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	<i>PI 08.2</i>	Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
PLO9		Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT)	4	
PLO10		Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được ³	GHI CHÚ
	PI 10.1	Biết sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3	
	PI 10.2	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
PLO11		Có khả năng nhận định, đánh giá, đề xuất, triển khai và bảo vệ quan điểm về giải pháp cho các vấn đề đương đại trong lĩnh vực HTTTQL.	5	
	PI 11.1	Nhận định và đánh giá các vấn đề đương đại trong lĩnh vực HTTTQL.	4	
	PI 11.2	Đề xuất và bảo vệ quan điểm về giải pháp cho các vấn đề đương đại trong ngành HTTTQL.	4	
	PI 11.3	Lập kế hoạch, tổ chức và quản lý các nguồn lực để triển khai giải pháp vào các vấn đề đương đại trong ngành HTTTQL.	5	

3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu (POi) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs):

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT (POi)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có năng lực đáp ứng yêu cầu bậc 6 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam (ban hành theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm đối với xã hội; có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết về công nghệ thông tin và kinh tế, quản lý; có năng lực sáng tạo, cập nhật và ứng dụng các hệ thống thông tin hiện đại vào việc quản trị các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và tổ chức một cách hiệu quả trong thời đại số; đáp ứng các yêu cầu công việc tại các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài hoặc các công ty đa quốc gia											

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Mục tiêu cụ thể:												
PO1	Có khả năng vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo	X					X	X				X
PO2	Thể hiện phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.				X	X						
PO3	Thể hiện kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp..		X	X								
PO4	Có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập									X	X	
PO5	Có kỹ năng vận dụng, phân tích, thiết kế và triển khai các hệ thống thông tin quản lý, đồng thời có khả năng tư vấn, giám sát các hệ thống thông tin quản lý.						X	X	X			X

Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.⁴

PO	PLO	PI
PO1	PLO1	PI 1.1
		PI 1.2
	PLO6	PI 6.1
		PI 6.2
	PLO7	PI 7.1
	PLO11	PI 11.1
PO2	PLO4	PI 4.1
		PI 4.2
	PLO5	PI 5.1
		PI 5.2
		PI 5.3
PO3	PLO2	PI 2.1
		PI 2.2
	PLO3	PI 3.1
		PI 3.2
PO4	PLO9	
	PLO10	PI 10.1
		PI 10.2
PO5	PLO6	PI 6.1
		PI 6.2
	PLO7	PI 7.1
		PI 7.2
	PLO 8	PI 8.1
		PI 8.2
	PLO11	PI 11.1
		PI 11.2
		PI 11.3

⁴ Đối sánh để quan sát tính phù hợp với mỗi mục tiêu cụ thể (PO) được thể hiện thông qua CDR CTĐT (PLO) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI)

4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam:

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Kiến thức:												
KT1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	X										X
KT2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	X										
KT3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.										X	
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.						X	X	X			X
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	X					X	X				X
Kỹ năng:												
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.		X	X								X
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.			X		X						
KN3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.		X									
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.			X	X							

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.			X				X	X			
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.									X		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm:												
TCTN1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			X	X							
TCTN2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.			X			X	X	X			X
TCTN3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.				X		X	X	X			X
TCTN4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.				X		X	X	X			X

5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận các vị trí nghề nghiệp sau:

- Quản trị hệ thống thông tin
- Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin
- Phân tích nghiệp vụ (Business Analyst)
- Quản trị dữ liệu
- Lập trình viên
- Phân tích dữ liệu
- Thiết kế, quản trị và vận hành các hệ thống thương mại điện tử

- Tư vấn giải pháp thương mại điện tử

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Có khả năng học tiếp các chương trình Thạc sĩ ở trong và ngoài nước.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 125 đơn vị tín chỉ (đvtc), không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

8. Đối tượng tuyển sinh:

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Thiết kế thời gian tổ chức đào tạo là 04 năm với 08 học kỳ chính và 03 học kỳ hè. Trong các học kỳ chính, sinh viên chủ yếu được học tập trên giảng đường hoặc phòng máy tính, hai học kỳ cuối sinh viên đi thực tập tại các doanh nghiệp và thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên có thể đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt trong các học kỳ chính và học kỳ hè. Học kỳ hè sẽ được tổ chức đào tạo theo nhu cầu của sinh viên.

Sau khi nhập học, sinh viên được kiểm tra năng lực tiếng Anh và được xếp lớp học tiếng Anh tùy theo trình độ. Trong trường hợp chưa đáp ứng được yêu cầu tiếng Anh, sinh viên được học miễn phí 300 tiết tiếng Anh để đảm bảo trình độ tiếng Anh đạt mức 3/6 sau năm học thứ hai.

10. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh:

10.1. Các trường đại học ở nước ngoài

Chương trình khung bậc cử nhân Hệ thống thông tin 2020 do tổ chức Association for Computing Machinery (ACM), Association for Information Systems (AIS) đưa ra với mục đích gợi ý cho các trường đại học trên thế giới đào tạo về ngành này; Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin của Trường Đại học Quốc gia Singapore ban hành áp dụng từ năm 2023.

10.2. Các trường đại học ở Việt Nam

Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý của Đại học Kinh tế TP.HCM ban hành áp dụng từ năm 2023; Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý của Trường Đại học Kinh tế Luật - Đại học Quốc gia TP.HCM ban hành áp dụng từ năm 2023.

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập⁵

11.1. Phương pháp giảng dạy

⁵ Mô tả các phương pháp giảng dạy tham khảo theo tài liệu hướng dẫn

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT **ngành Hệ thống thông tin quản lý**, các chiến lược và phương pháp giảng dạy được áp dụng cụ thể như sau:

- Phương pháp Thuyết giảng
- Phương pháp Bài giảng tương tác
- Phương pháp Ôn luyện
- Phương pháp Thảo luận có định hướng
- Phương pháp Bài tập
- Phương pháp Kỹ thuật đánh giá lớp học
- Phương pháp học dựa trên vấn đề
- Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập nhóm
- Phương pháp giảng dạy thông qua Phản hồi từ bạn học
- Phương pháp giảng dạy thông qua Thực hành thí nghiệm theo hướng dẫn chi tiết
- Giảng dạy vừa đúng lúc
- Giảng dạy bằng tình huống điển hình
- Giảng dạy bằng cách học khám phá
- Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề
- Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án
- Giảng dạy thông qua đóng vai
- Giảng dạy thông qua Mô phỏng

Các phương pháp giảng dạy nói trên hướng đến việc giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT cụ thể như sau:

Phương pháp giảng dạy		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phương pháp Thuyết giảng	x	x	x	x		x		x		x	
2	Phương pháp Bài giảng tương tác	x	x		x	x	x	x				
3	Phương pháp Ôn luyện	x	x	x	x		x	x	x			
4	Phương pháp Thảo luận có định hướng	x	x	x	x		x	x	x			
5	Phương pháp Bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x		x	
6	Phương pháp Kỹ thuật đánh giá lớp học	x	x		x		x	x				

7	Phương pháp học dựa trên vấn đề				x		x	x	x			x
8	Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập nhóm			x		x	x	x	x			x
9	Phương pháp giảng dạy thông qua Phản hồi từ bạn học	x	x		x		x	x				
10	Phương pháp giảng dạy thông qua Thực hành thí nghiệm theo hướng dẫn chi tiết		x		x	x	x	x	x	x	x	x
11	Giảng dạy vừa đúng lúc	x	x		x		x	x				
12	Giảng dạy bằng tình huống điển hình	x	x		x		x	x	x	x		x
13	Giảng dạy bằng cách học khám phá	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
14	Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề			x	x		x	x	x			x
15	Phương pháp học dựa vào dự án		x	x	x		x	x	x	x	x	x
16	Phương pháp đóng vai		x			x	x	x	x			
17	Phương pháp mô phỏng			x	x	x	x	x	x			x

11.2. Đánh giá kết quả học tập: Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10, được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi điểm giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Kết cấu và nội dung chương trình:

12.1. Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	9			20			16%

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
2	Giáo dục chuyên nghiệp							
2.1	Cơ sở ngành	11			30			24%
2.2	Ngành	14		3	39		9	38.4%
2.3	Chuyên ngành	8			27			21.6%
	Tổng cộng	42		3	116		9	100%

TT	Khối kiến thức khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng cộng	13

12.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG							
		Học phần bắt buộc						
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	3	3	0	0		1
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin / Marxist-Leninist Political Economics	2	2	0	0	Triết học Mác - Lênin	4
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism	2	2	0	0	Triết học Mác - Lênin	5
4	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / History of Vietnamese Communist Party	2	2	0	0	Triết học Mác – Lênin	7
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh's Ideology	2	2	0	0	Triết học Mác - Lênin	7
6	AMA301	Toán cao cấp 1 / Advanced Mathematic 1	2	2	0	0		1

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
7	AMA302	Toán cao cấp 2 / Advanced Mathematic 2	2	2	0	0	Toán cao cấp 1	2
8	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán / Probability and Statistics	3	3	0	0	Toán cao cấp 1, 2	2
9	LAW349	Pháp luật đại cương / General Law	2	2	0	0		5
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
Học phần khối kiến thức cơ sở ngành								
Học phần bắt buộc								
10	MES302	Kinh tế học vi mô / Micro-economics	3	3	0	0		1
11	MES303	Kinh tế học vĩ mô / Macro-economics	3	3	0	0	Kinh tế vi mô	1
12	ACC301	Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting	3	3	0	0	Kinh tế vĩ mô	2
13	ITS329	Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý /Introduction to Management Information Systems	2	2	0	0		1
14	MAG322	Quản trị học / Fundamental of Management	3	3	0	0		2
15	ITS304	Hệ thống thông tin quản lý / Management Information Systems	3	3	0	0	Quản trị học	3
16	MKE308	Nguyên lý Marketing / Principles of Marketing	3	3	0	0		2
17	ECE301	Kinh tế lượng / Econometrics	3	3	0	0		3
18	ITS301	Tin học ứng dụng /Applied Informatics	3	2	1	0	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	3
19	ITS733	Applied Logic in Business / Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	2	0	0		1
20		Nguyên lý và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị đương đại/ Artificial Intelligence in Contemporary Management: Principles and Applications	2	2	0	0		4

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ	
				Lý thuyết	Thực hành	Khác			
	Học phần khối kiến thức ngành								
		Học phần bắt buộc							
21	ITS302	Cơ sở dữ liệu / Database Systems	3	2	1	0		3	
22	ITS318	Cơ sở lập trình / Fundamentals of Programming	3	2	1	0	Applied Logic in Business	2	
23	ITS709	Mạng máy tính và truyền thông / Computer network and communication	3	2	1	0		3	
24	ITS724	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh / Applied Algorithms in Business	3	2	1	0	Applied Logic in Business	4	
25	ENP314	English for Management Information Systems /Tiếng Anh chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý	3	3	0	0	English for Economics and Management	5	
26	ITS322	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu / Database Management Systems	2	1	1	0	Cơ sở dữ liệu	4	
27	ITS307	An toàn bảo mật thông tin / Information Security	3	2	1	0	Mạng máy tính và truyền thông	4	
28	ITS744	Information Systems Analysis and Design / Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	2	1	0	Hệ thống thông tin quản lý	4	
29	ITS326	Lập trình hướng đối tượng / Object-oriented Programming	3	2	1	0	Cơ sở lập trình	5	
30	ITS734	Business Analysis / Phân tích kinh doanh	3	3	0	0	Quản trị học	5	
31	ITS742	Enterprise Resource Planning System / Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	2	1	0	Hệ thống thông tin quản lý	6	
32	ITS739	Electronic Commerce / Thương mại điện tử	3	3	0	0		5	
33	ITS708	Lập trình web / Web programming	3	2	1	0	Cơ sở lập trình	5	
34	ITS707	Kiến tập ngành Hệ thống thông tin quản lý / Practical Observation for Management Information Systems	1	0	0	1		3	

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
35	Học phần tự chọn (chọn 03 môn trong cùng một định hướng liên ngành)							
	Định hướng Ngân hàng							
35a	FIN301	Lý thuyết tài chính – tiền tệ / Financial and Monetary Theory	3	3	0	0	Kinh tế vĩ mô	3
36a	BAF722	Banking Operations / Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	2	1	0	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	4
37a	ITS736	Core banking and E-Banking / Core banking và ngân hàng điện tử	3	2	1	0		6
	Định hướng Tài chính							
35b	FIN301	Lý thuyết tài chính – tiền tệ / Financial and Monetary Theory	3	3	0	0	Kinh tế vĩ mô	3
36b	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ Corporate Finance	3	3	0	0	Nguyên lý kế toán	4
37b	FIN305	Quản trị tài chính doanh nghiệp/ Corporate Financial Management	3	3	0	0	Tài chính doanh nghiệp	6
	Định hướng Khởi nghiệp							
35c	DIM703	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số / Entrepreneurship in The Digital Age	3	3	0	0	Quản trị học	3
36c		Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý / Applications of Artificial Intelligence in Business and Management	3	2	1	0	Quản trị học	4
37c	MAG323	Quản trị đổi mới và sáng tạo	3	3	0	0	Quản trị học	6
	Định hướng Quản trị kinh doanh							
35d	MAG311	Human Resource Management / Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1	0	Quản trị học	3
36d	MAG306	Quản trị vận hành / Operation Management	3	3	0	0	Quản trị học	4
37d	MAG307	Supply Chain Management / Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0	0	Quản trị học	6

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
	Định hướng Marketing							
35e	MAG309	Marketing Management / Quản trị marketing	3	3	0	0	Nguyên lý marketing	3
36e	MKE305	Marketing quốc tế / International Marketing	3	3	0	0	Nguyên lý marketing	6
37e		Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý / Applications of Artificial Intelligence in Business and Management	3	2	1	0	Quản trị học	
	Định hướng Kế toán							
35f	ACC302	Kế toán tài chính / Financial Accounting	3	3	0	0	Nguyên lý kế toán	3
36f	ACC315	Kế toán quản trị / Management Accounting	3	3	0	0	Nguyên lý kế toán	4
37f	AUD301	Fundamentals of Auditing / Kiểm toán căn bản	3	3	0	0	Nguyên lý kế toán	6
	Định hướng Khoa học dữ liệu							
35g		Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý / Applications of Artificial Intelligence in Business and Management	3	2	1	0	Quản trị học	3
36g	ITS325	Kho dữ liệu và hệ hỗ trợ ra quyết định / Data Warehouse and Decision Support Systems	3	2	1	0	Cơ sở dữ liệu	4
37g	ITS324	Khai phá dữ liệu / Data Mining	3	2	1	0		6
	Học phần định hướng chuyên sâu: SV chọn một trong hai định hướng chuyên sâu sau để tích lũy							
		Định hướng chuyên sâu - Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyển đổi số						
38a	ITS319	Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm / Software Testing and Quality Assurance	2	2	0	0	Cơ sở lập trình	6, 7
39a	ITS323	Kiểm toán và kiểm soát hệ thống thông tin / Information Systems Audit and Control	2	2	0	0	Nguyên lý kế toán	6, 7

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
40a	ITS735	Business Process Management / Quản lý quy trình nghiệp vụ	2	1	1	0	Hệ thống thông tin quản lý	6, 7
41a	ITS745	Information Systems Project Management / Quản trị dự án hệ thống thông tin	3	3	0	0	Information Systems Analysis and Design	6, 7
42a	ITS332	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở / Developing Open Source Software	3	2	1	0	Cơ sở lập trình	6, 7
43a	ITS737	Digital Business Transformation / Chuyển đổi kinh doanh số	3	3	0	0	Business Analysis	6, 7
		Định hướng chuyên sâu - Quản trị thương mại điện tử						
38b	ITS748	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng / UI and UX Design	3	2	1	0		6, 7
39b	ITS740	Electronic Marketing / Marketing điện tử	3	3	0	0	Nguyên lý marketing	6, 7
40b	ITS750	Operational Management in E-Commerce / Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	2	2	0	0	Electronic Commerce	6, 7
41b	ITS741	Electronic Payment system / Hệ thống thanh toán điện tử	2	2	0	0		6, 7
42b	ITS340	Phân tích và tối ưu hóa bộ máy tìm kiếm / Search Engine Optimization and Web Analytics	2	2	0	0		6, 7
43b	ITS717	Thương mại xã hội / Social Commerce	3	3	0	0		6, 7
		Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện theo quy chế của Trường)						
44	INT703	Thực tập cuối khóa ngành Hệ thống thông tin quản lý / Internship	3	0	0	3		7
		Học phần tốt nghiệp: SV chọn một trong hai định hướng						
		Định hướng nghiên cứu						
45	REP703	Khóa luận tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý / Graduation Report	9	0	0	9		8
		Định hướng ứng dụng						

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
45a	ITS738	Đồ án ngành Hệ thống thông tin quản lý / Management Information Systems Project	3	0	0	3		8
45b	ITS729	Phát triển ứng dụng di động / Developing Mobile Applications	3	2	1	0	Cơ sở lập trình	8
45c	ITS751	Social Networking Analytics / Phân tích dữ liệu mạng xã hội	3	2	1	0		8
Tổng số tín của chương trình đào tạo			125					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			116					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			9					

13. Kế hoạch đào tạo phân theo học kỳ:

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/ Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	3		BB	Tiếng Việt
	2	AMA301	Toán cao cấp 1 / Advanced Mathematic 1	2		BB	Tiếng Việt
	3	MES302	Kinh tế học vi mô / Micro-economics	3		BB	Tiếng Việt
	4	MES303	Kinh tế học vĩ mô / Macro-economics	3	Kinh tế vi mô	BB	Tiếng Việt
	5	ITS329	Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý /Introduction to Management Information Systems	2		BB	Tiếng Việt
	6	ITS733	Applied Logic in Business / Logic ứng dụng trong kinh doanh	2		BB	Tiếng Anh
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		15			
2	1	AMA302	Toán cao cấp 2 / Advanced Mathematic 2	2	Toán cao cấp 1	BB	Tiếng Việt

	2	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán / Probability and Statistics	3	Toán cao cấp 1, 2	BB	Tiếng Việt
	3	ACC301	Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting	3	Kinh tế vĩ mô	BB	Tiếng Việt
	4	MAG322	Quản trị học / Fundamental of Management	3		BB	Tiếng Việt
	5	MKE308	Nguyên lý Marketing / Principles of Marketing	3		BB	Tiếng Việt
	6	ITS318	Cơ sở lập trình / Fundamentals of Programming	3	Applied Logic in Business	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		17			
3	1	ITS304	Hệ thống thông tin quản lý / Management Information Systems	3	Quản trị học	BB	Tiếng Việt
	2	ECE301	Kinh tế lượng / Econometrics	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	BB	Tiếng Việt
	3	ITS301	Tin học ứng dụng / Applied Informatics	3	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	BB	Tiếng Việt
	4	ITS302	Cơ sở dữ liệu / Database Systems	3		BB	Tiếng Việt
	5	ITS709	Mạng máy tính và truyền thông / Computer network and communication	3		BB	Tiếng Việt
	6	ITS707	Kiến tập ngành Hệ thống thông tin quản lý / Practical Observation for Management Information Systems	1		BB	Tiếng Việt
	7		Học phần tự chọn	3		TC	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		19			

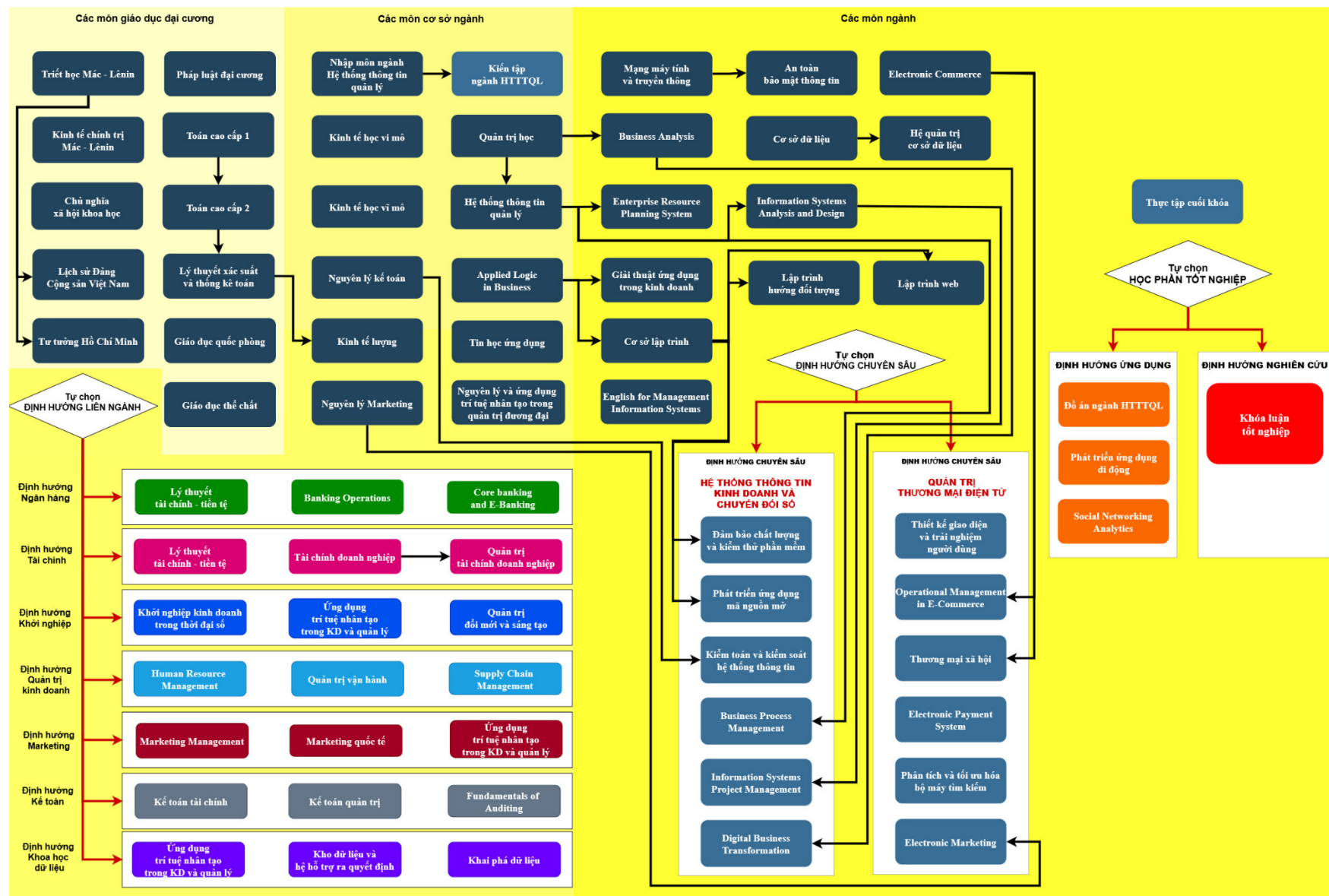
4	1	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin / Marxist-Leninist Political Economics	2	Triết học Mác - Lênin	BB	Tiếng Việt
	2		Nguyên lý và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị đương đại/ Artificial Intelligence in Contemporary Management: Principles and Applications	2		BB	Tiếng Việt
	3	ITS724	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh / Applied Algorithms in Business	3	Applied Logic in Business	BB	Tiếng Việt
	4	ITS322	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu / Database Management Systems	2	Cơ sở dữ liệu	BB	Tiếng Việt
	5	ITS307	An toàn bảo mật thông tin / Information Security	3	Mạng máy tính và truyền thông	BB	Tiếng Việt
	6	ITS744	Information Systems Analysis and Design / Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	Hệ thống thông tin quản lý	BB	Tiếng Anh
	7		Học phần tự chọn	3		TC	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		18			
5	1	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism	2	Triết học Mác - Lênin	BB	Tiếng Việt
	2	LAW349	Pháp luật đại cương / General Law	2		BB	Tiếng Việt
	3	ENP314	English for Management Information Systems / Tiếng Anh chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý	3	English for Economics and Management	BB	Tiếng Anh
	4	ITS326	Lập trình hướng đối tượng / Object-oriented Programming	3	Cơ sở lập trình	BB	Tiếng Việt
	5	ITS734	Business Analysis / Phân tích kinh doanh	3	Quản trị học	BB	Tiếng Anh

	6	ITS739	Electronic Commerce / Thương mại điện tử	3		BB	Tiếng Anh
	7	ITS708	Lập trình web / Web Programming	3	Cơ sở lập trình	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		19			
6	1	ITS742	Enterprise Resource Planning System / Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	Hệ thống thông tin quản lý	BB	Tiếng Anh
	2		Học phần tự chọn	3		TC	Tiếng Anh/ Tiếng Việt
	3		Học phần định hướng chuyên sâu	9		BB	Tiếng Anh/ Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		15			
7	1	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / History of Vietnamese Communist Party	2	Triết học Mác - Lênin	BB	Tiếng Việt
	2	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh's Ideology	2	Triết học Mác - Lênin	BB	Tiếng Việt
	3	INT703	Thực tập cuối khóa ngành Hệ thống thông tin quản lý / Internship	3	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt
	4		Học phần định hướng chuyên sâu	6		BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		13			
		Định hướng nghiên cứu					
8	1		Khóa luận tốt nghiệp	9	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh
		Định hướng ứng dụng					
		ITS738	Đồ án ngành Hệ thống thông tin quản lý / Management Information Systems Project	3	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt hoặc

							Tiếng Anh
		ITS729	Phát triển ứng dụng di động / Developing Mobile Applications	3	Cơ sở lập trình	BB	Tiếng Việt
		ITS751	Social Networking Analytics / Phân tích dữ liệu mạng xã hội	3		BB	Tiếng Anh
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		9			

14. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học):

SƠ ĐỒ CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ TIẾNG ANH BÁN PHẦN



15 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) ⁶

STT	Tên môn học	PLO										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Kiến thức đại cương (A)												
1	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	2			2	2						
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin / Marxist-Leninist Political Economics	2			2	2						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism	2			2	2						
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / History of Vietnamese Communist Party	2			2	2						
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh's Ideology	2			2	2						
6	Toán cao cấp 1 / Advanced Mathematic 1	3					3		3			
7	Toán cao cấp 2 / Advanced Mathematic 2	3			3				3			
8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán / Probability and Statistics	3					3					
9	Pháp luật đại cương / General Law	2		3		3						
	Giáo dục thể chất / Physical Education											
	Giáo dục quốc phòng / Defense - Security Education											
Kiến thức cơ sở ngành (B)												
10	Kinh tế học vi mô / Micro-economics	3	3		2							
11	Kinh tế học vĩ mô / Macro-economics	3	3		2							
12	Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting	3		2			3					
13	Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý /Introduction to Management Information Systems				2	2			2			

⁶ Thực hiện tên Word hoặc theo mẫu Excel sau đó copy đưa vào file này.

STT	Tên môn học	PLO										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Quản trị học / Fundamental of Management	3			4	4						
15	Hệ thống thông tin quản lý / Management Information Systems	2					2		2			
16	Nguyên lý Marketing / Principles of Marketing	3						4	4			
17	Kinh tế lượng / Econometrics	3		4			4					
18	Tin học ứng dụng / Applied Informatics							3			4	
19	Applied Logic in Business / Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	3				3					
20	Nguyên lý và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị đương đại/ Artificial Intelligence in Contemporary Management: Principles and Applications							2	2			
Kiến thức ngành (C)												
21	Cơ sở dữ liệu / Database Systems						3	3			3	
22	Cơ sở lập trình / Fundamentals of Programming						2	3			3	
23	Mạng máy tính và truyền thông / Computer network and communication						3	3				
24	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh / Applied Algorithms in Business						3	4			3	
25	English for Management Information Systems / Tiếng Anh chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý		4	4						4		
26	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu / Database Management Systems						3	3			3	
27	An toàn bảo mật thông tin / Information Security					2	3		3			
28	Information Systems Analysis and Design / Phân tích thiết kế hệ thống thông tin		3				3	3				
29	Lập trình hướng đối tượng / Object-oriented Programming						3	4			3	
30	Business Analysis / Phân tích kinh doanh						3	3				
31	Enterprise Resource Planning System / Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp						3	3	2			

STT	Tên môn học	PLO										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
32	Electronic Commerce / Thương mại điện tử					3	3					
33	Lập trình web / Web Programming						3		3			
34	Kiến tập ngành Hệ thống thông tin quản lý / Practical Observation for Management Information Systems				2							3
Học phần tự chọn - Định hướng liên ngành												
Định hướng Ngân hàng												
35a	Lý thuyết tài chính – tiền tệ / Financial and Monetary Theory			2			3		3			
36a	Banking Operations / Hoạt động kinh doanh ngân hàng					3	3		3			
37a	Core banking and E-Banking / Core banking và ngân hàng điện tử						3	4	4			
Định hướng Tài chính												
35b	Lý thuyết tài chính – tiền tệ / Financial and Monetary Theory			2			3		3			
36b	Tài chính doanh nghiệp/ Corporate Finance		3				3					
37b	Quản trị tài chính doanh nghiệp/ Corporate Financial Management		4	4			3					
Định hướng khởi nghiệp												
35c	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số			4	4							
36c	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý / Applications of Artificial Intelligence in Business and Management							2	3		3	

STT	Tên môn học	PLO										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
37c	Quản trị đổi mới và sáng tạo		3				4		4			
	Định hướng Quản trị kinh doanh											
35d	Human Resource Management / Quản trị nguồn nhân lực				4		4		4			
36d	Quản trị vận hành / Operation Management						4	4				4
37d	Supply Chain Management / Quản trị chuỗi cung ứng		4				4		4			
	Định hướng Marketing											
35e	Marketing Management / Quản trị marketing						4	4	4			
36e	Marketing quốc tế / International Marketing		4				4		4			
37e	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý / Applications of Artificial Intelligence in Business and Management							2	3		3	
	Định hướng Kế toán											
35f	Kế toán tài chính / Financial Accounting			3	4		3					
36f	Kế toán quản trị / Management Accounting			3	3		4					
37f	Fundamentals of Auditing / Kiểm toán căn bản			3	3		3					
	Định hướng Khoa học dữ liệu											
35g	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý / Applications of Artificial Intelligence in Business and Management							2	3		3	
36g	Kho dữ liệu và hệ hỗ trợ ra quyết định / Data Warehouse and Decision Support Systems						4		3		3	
37g	Khai phá dữ liệu / Data Mining						4	3			3	
Kiến thức chuyên sâu - Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyển đổi số (D)												

STT	Tên môn học	PLO										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
38a	Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm / Software Testing and Quality Assurance					2	3					
39a	Kiểm toán và kiểm soát hệ thống thông tin / Information Systems Audit and Control					3	3		3			
40a	Business Process Management / Quản lý quy trình nghiệp vụ						3	4	4			
41a	Information Systems Project Management / Quản trị dự án hệ thống thông tin						3	4	4			
42a	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở / Developing Open Source Software						2	3	3			
43a	Digital Business Transformation / Chuyển đổi kinh doanh số						3	3	3			
Định hướng chuyên sâu - Quản trị thương mại điện tử												
38b	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng / UI and UX Design						2		3			
39b	Electronic Marketing / Marketing điện tử						3		3			
40b	Operational Management in E-Commerce / Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử						4	4	4			
41b	Electronic Payment system / Hệ thống thanh toán điện tử							4	4			
42b	Phân tích và tối ưu hóa bộ máy tìm kiếm / Search Engine Optimization and Web Analytics						3	3				
43b	Thương mại xã hội / Social Commerce						2	3				
Thực tập cuối khóa và học phần tốt nghiệp												
44	Thực tập cuối khóa ngành Hệ thống thông tin quản lý / Internship					4						4
	Định hướng nghiên cứu											
45	Khóa luận tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý / Graduation Report						4	4				5
	Định hướng ứng dụng											
45a	Đồ án ngành Hệ thống thông tin quản lý / Management Information Systems Project						4	4				5

STT	Tên môn học	PLO										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
45b	Phát triển ứng dụng di động / Developing Mobile Applications						3	3				4
45c	Social Networking Analytics / Phân tích dữ liệu mạng xã hội						4		4			4

16. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			
		Học phần bắt buộc	
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức khái lược về triết học Mác - Lênin cũng như vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Môn học giúp bồi dưỡng và nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin / Marxist-Leninist Political Economics	Môn học nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism	Môn học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay
4	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / History of Vietnamese Communist Party	Môn học khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn, để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh's Ideology	Môn học bao gồm những kiến thức cốt lõi, hệ thống về: sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế;

			Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam
6	AMA301	Toán cao cấp 1 / Advanced Mathematic 1	Môn học trang bị các kiến thức toán cao cấp về đại số tuyến tính ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector R^n , phép biến đổi tuyến tính; chéo hóa ma trận và dạng toàn phương. Học xong môn học này, sinh viên có thể chuyển hóa các dạng bài toán kinh tế sang hệ phương trình hoặc ma trận để xử lý.
7	AMA302	Toán cao cấp 2 / Advanced Mathematic 2	Môn học trang bị các kiến thức toán về giải tích ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; giới hạn, liên tục, đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị tự do và cực trị có điều kiện của hàm số nhiều biến số; một số dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2. Học xong môn học này, sinh viên có thể áp dụng để thực hiện các tính toán trong kinh tế, xác định điểm tối ưu và giá trị tối ưu của hàm mục tiêu...
8	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán / Probability and Statistics	Môn học cung cấp các kiến thức cơ sở về toán xác suất và thống kê. Học xong môn học này, sinh viên có thể tiến hành toán xác suất của các biến cố ngẫu nhiên, hiểu về quy luật mà các biến ngẫu nhiên tuân theo và áp dụng xử lý số liệu thống kê đơn giản bằng phần mềm SPSS trên PC, cũng như bằng máy tính bỏ túi.
9	LAW349	Pháp luật đại cương / General Law	Môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới quy luật hình thành, phát triển và bản chất của nhà nước và pháp luật.
10		Giáo dục thể chất 1	Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Điền kinh là một môn thể thao bao gồm các nội dung đi bộ, chạy, nhảy, ném đẩy và nhiều môn phối hợp; là một trong những môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao ở nước ta.

11		Giáo dục thể chất 2	Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Thể dục thể thao (TDTT) là một trong những lĩnh vực khoa học gắn liền với đời sống con người. Tập luyện TDTT không những có thể làm cho con người tăng cường sức khỏe, phát triển cân đối toàn diện về trí tuệ, nhân cách, phẩm chất đạo đức, mà còn phát triển toàn diện các tố chất thể lực. Có sức khỏe để nâng cao năng suất lao động, trí sáng tạo và xã hội ngày càng phát triển. Ngoài ra, TDTT còn có ý nghĩa về mặt chính trị như thúc đẩy các mối quan hệ Quốc tế, kết nối cả dân tộc trên thế giới với nhau cùng sống trong hòa bình hữu nghị.
12		Giáo dục thể chất 3	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 1, bóng đá 1, Karate 1, quần vợt 1, bóng bàn 1, cầu lông 1.
13		Giáo dục thể chất 4	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 2, bóng đá 2, Karate 2, quần vợt 2, bóng bàn 2, cầu lông 2.
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			
Học phần khối kiến thức cơ sở ngành			
Học phần bắt buộc			
14	MES302	Kinh tế học vi mô / Micro-economics	Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản và các công cụ sử dụng trong phân tích kinh tế vi mô; tập trung vào việc phân tích hành vi của người tiêu dùng quyết định đến giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ được cung ứng trên thị trường cũng như hành vi của các doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường khác nhau. Bên cạnh đó, môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường làm cơ sở cho việc định hướng can thiệp của Nhà nước nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.
15	MES303	Kinh tế học vĩ mô / Macro-economics	Môn học giới thiệu những kiến thức tổng quát về Kinh tế học vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về cách thức hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Môn học trình bày cách

			tính các chỉ tiêu kinh tế như sản lượng quốc gia, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lạm phát..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề vĩ mô của 1 nền kinh tế mở và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể trong từng thời kỳ.
16	ACC301	Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting	Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về kế toán. Bên cạnh đó, môn học trang bị kiến thức về các phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán. Ngoài ra môn học giúp người học hiểu về tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính.
17	ITS329	Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý / Introduction to Management Information Systems	Môn học cung cấp góc nhìn tổng quan về vai trò, vị trí, tính chất của ngành học, những kiến thức tổng quát về ngành hệ thống thông tin quản lý, phương pháp học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý. Ngoài ra môn học giúp hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng nghiên cứu, tư duy trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý
18	MAG322	Quản trị học / Fundamental of Management	Môn học giới thiệu cơ bản về các khái niệm và thực tiễn quản trị trong các tổ chức. Các chủ đề môn học bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Các xu hướng về lý thuyết và chức năng quản lý cũng được đánh giá, cũng như nghiên cứu quản lý và ứng dụng vào thực tiễn quản lý và các khía cạnh có trách nhiệm, đạo đức và toàn cầu trong thực tiễn kinh doanh hiện tại.
19	ITS304	Hệ thống thông tin quản lý / Management Information Systems	Môn học cung cấp kiến thức về các hệ thống thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình quản lý và ứng dụng của chúng trong các tổ chức, các doanh nghiệp. Môn học trình bày các công cụ để hoạch định, tổ chức và phát triển các hệ thống thông tin phù hợp với tổ chức doanh nghiệp nhằm

			nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng lợi thế cạnh tranh cho tổ chức.
20	MKE308	Nguyên lý Marketing / Principles of Marketing	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.
21	ECE301	Kinh tế lượng / Econometrics	Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản để ước lượng một cách đúng đắn các quan hệ kinh tế, kiểm định giả thuyết về các mối quan hệ kinh tế. Trên cơ sở đó đưa ra mô hình phù hợp với thực tế, phản ánh được bản chất các quan hệ kinh tế. Mô hình sẽ được dùng trong phân tích, dự báo và hoạch định chính sách. Sau khi học xong môn học, sinh viên có kiến thức lý thuyết và kỹ năng xây dựng mô hình hồi quy một phương trình với các tình huống kinh tế cơ bản.
22	ITS301	Tin học ứng dụng / Applied Informatics	Môn học là môn cơ sở cần thiết để học được các môn chuyên ngành và cho việc thực hiện các đề tài nghiên cứu. Môn học trang bị kiến thức hiểu biết để lựa chọn các phần mềm máy tính phù hợp và kỹ năng sử dụng chúng nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định quản trị bằng phương pháp lượng hóa
23	ITS733	Applied Logic in Business / Logic ứng dụng trong kinh doanh	Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản nhất và có hệ thống về cơ sở toán của tin học. Môn học sẽ cung cấp những phép suy luận căn bản trong logic ứng dụng trong kinh doanh
24		Nguyên lý và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị đương đại/ Artificial Intelligence in	Môn học nhằm mục đích trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về trí tuệ nhân tạo (AI), bên cạnh đó cung cấp các kiến thức

		Contemporary Management: Principles and Applications	về xu hướng của trí tuệ nhân tạo. Thông qua khóa học này, người học sẽ hiểu đúng về các khái niệm cơ bản của trí tuệ nhân tạo, hiểu được các khả năng của trí tuệ nhân tạo đang tác động đến các doanh nghiệp trên toàn cầu và trong các lĩnh vực khác nhau như thế nào.
	Học phần khối kiến thức ngành		
		Học phần bắt buộc	
25	ITS302	Cơ sở dữ liệu / Database Systems	Môn học giúp sinh viên có khả năng thiết kế, tạo lập và quản trị cơ sở dữ liệu sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng sử dụng ngôn ngữ truy vấn cấu trúc để trích xuất thông tin từ cơ sở dữ liệu
26	ITS318	Cơ sở lập trình / Fundamentals of Programming	Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lập trình, các kiểu dữ liệu tiền định, cấu trúc điều khiển, nhập xuất dữ liệu. Ngoài ra học phần này còn định hướng phương pháp tư duy, phong cách lập trình, kỹ năng lập trình trên ngôn ngữ lập trình cụ thể
27	ITS709	Mạng máy tính và truyền thông / Computer network and communication	Môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành CNTT, cung cấp các kiến thức về đặc trưng và thành phần của các kiểu mạng máy tính như LAN, WAN, Internet...; các chức năng và các giao thức chính mỗi tầng trong mô hình OSI; cách sử dụng các thiết bị mạng trong quy trình thiết kế một mạng LAN. Môn học trình bày và hướng dẫn các kỹ thuật ứng dụng phổ biến trong mạng nội bộ, mạng Internet; quản trị mạng máy tính trên hệ điều hành Windows Server
28	ITS724	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh / Applied Algorithms in Business	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về các cấu trúc dữ liệu và giải thuật thông dụng trên máy tính giúp sinh viên có khả năng sử dụng các cấu trúc dữ liệu nền tảng. Môn học cũng hướng dẫn sinh viên hiểu, phân tích và đánh giá được các giải thuật làm việc với các cấu trúc dữ liệu đó để giải quyết bài toán trong lập trình.

29	ENP314	English for Management Information Systems / Tiếng Anh chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý	Môn học cung cấp cho sinh viên khả năng sử dụng Tiếng Anh cho những tình huống giao tiếp trong môi trường làm việc lĩnh vực CNTT. SV có thể sử dụng được các từ vựng liên quan trong lĩnh vực CNTT, các hình thức văn phạm khác nhau để biểu đạt trong giao tiếp ở mức độ căn bản. SV có kỹ năng đọc tài liệu kỹ thuật đơn giản trong lĩnh vực CNTT, diễn đạt và thảo luận theo hình thức nói những chủ đề cơ bản trong lĩnh vực CNTT, nghe và hiểu được những trình bày đơn giản trong lĩnh vực CNTT, trình bày được theo hình thức viết những chủ đề về CNTT trong môi trường làm việc.
30	ITS322	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu / Database Management Systems	Môn học hướng đến việc cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ quản trị cơ sở dữ liệu, các kiến thức về quản trị vận hành, quản trị thành phần, quản trị người dùng trên hệ cơ sở dữ liệu, kiến thức về ngôn ngữ SQL và PL /SQL. Sau khi học xong môn học, sinh viên có khả năng thực hiện các thao tác quản trị cơ sở dữ liệu cơ bản, lập trình với ngôn ngữ của hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Các kiến thức và kỹ năng này sẽ là nền tảng để sinh viên thực hiện các nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực quản trị cơ sở dữ liệu.
31	ITS307	An toàn bảo mật thông tin / Information Security	Môn học giới thiệu tổng quan về an toàn bảo mật, các thành phần, nguyên tắc, cũng như các vấn đề về hacker, virus, thiên tai...; giới thiệu hệ thống phát hiện tấn công; các nguyên lý, phương pháp cũng như mô hình, kỹ thuật mã hóa; phân tích rủi ro và lập kế hoạch phục hồi hệ thống khi có sự cố. Môn học còn giúp cho sinh viên có các kỹ năng cần thiết để nhận dạng vấn đề về an toàn bảo mật trong hệ thống thông tin nhằm đánh giá, ngăn chặn, đưa ra giải pháp phù hợp.
32	ITS744	Information Systems Analysis and Design / Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Môn học này cung cấp các khái niệm, nguyên tắc, các giai đoạn trong phân tích thiết kế hệ thống thông tin kinh doanh dưới góc nhìn của nhà quản lý; cung cấp các

			kiến thức và kỹ năng để sinh viên hiểu được vai trò của nhân viên phân tích và thiết kế hệ thống, áp dụng được các phương pháp, công cụ và kỹ thuật trong phân tích và thiết kế hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.
33	ITS326	Lập trình hướng đối tượng / Object-oriented Programming	Môn học cung cấp một cái nhìn khái quát về phương pháp lập trình hướng đối tượng, các nguyên tắc, và công cụ được sử dụng khi lập trình hướng đối tượng. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về một ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng cụ thể, sinh viên có thể sử dụng các ngôn ngữ lập trình hiện đại để giải được một số bài toán quản lý thực tế như quản lý bán hàng, quản lý điểm, lương.
34	ITS734	Business Analysis / Phân tích kinh doanh	Môn học cung cấp các kiến thức, kỹ năng, công cụ, kỹ thuật cơ bản và cần thiết để tiến hành khai thác nhu cầu về các hệ thống thông tin kinh doanh của một doanh nghiệp và các bên liên quan. Từ đó, giúp cho doanh nghiệp có thể triển khai được các hệ thống thông tin kinh doanh hỗ trợ cho chiến lược và quy trình kinh doanh của mình.
35	ITS742	Enterprise Resource Planning System / Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) bao gồm các khái niệm cơ bản, phạm vi áp dụng, quy trình nghiệp vụ. Đồng thời giúp cho người học tiếp cận với các công nghệ và cách thức triển khai hệ thống ERP phổ biến.
36	ITS739	Electronic Commerce / Thương mại điện tử	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về giao dịch thương mại sử dụng công nghệ số và Internet: các mô hình kinh doanh thương mại điện tử, hạ tầng kỹ thuật, website, các hệ thống thanh toán điện tử và vấn đề bảo mật, môi trường pháp lý, xã hội và đạo đức trong thương mại điện tử
37	ITS708	Lập trình web / Web Programming	Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về phát triển ứng dụng web, người học có thể tự tay phát triển một website toàn diện từ

			front end đến back end. Các nội dung chính bao gồm web tĩnh, web động, ngôn ngữ lập trình web, môi trường phát triển ứng dụng web.
38	ITS707	Kiến tập ngành Hệ thống thông tin quản lý / Practical Observation for Management Information Systems	Tổ chức cho sinh viên đi tham quan các doanh nghiệp trên địa bàn TP. HCM và các vùng lân cận có liên quan đến ngành học, ưu tiên các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài. Thông qua tham quan, giúp sinh viên bước đầu có cái nhìn rõ hơn, thực tế hơn về tổng quan của ngành nghề. Sinh viên có dịp tiếp cận với sự ứng dụng và phát triển của hệ thống thông tin trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác nhau. Giúp sinh viên có thể hình dung, nhận thức về ngành nghề đang theo học, từ đó có định hướng về vị trí nghề nghiệp trong tương lai, và chủ động lên kế hoạch, điều chỉnh phương pháp học tập, rèn luyện để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp muốn hướng đến
		Học phần tự chọn (chọn 03 môn trong cùng một tổ hợp)	
39	FIN301	Lý thuyết tài chính – tiền tệ / Financial and Monetary Theory	Môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính tiền tệ; Những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; Các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ...Học xong môn học này đáp ứng chuẩn đầu ra là hiểu biết các nguyên lý về tài chính tiền tệ, tài chính công, tổ chức tài chính và thị trường tài chính
40	BAF722	Banking Operations / Hoạt động kinh doanh ngân hàng	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế hiện đại, giúp người học nắm vững kiến thức nền tảng về kinh doanh ngân hàng hiện đại, từ đó vận dụng vào các lĩnh vực chuyên sâu trong hoạt động tài chính ngân hàng. Nội dung chính của môn học gồm các phần: Tổng quan về kinh doanh ngân hàng; Huy động vốn và cung ứng dịch vụ thanh toán; Hoạt động tín dụng; Hoạt động đầu tư tài chính và Dịch vụ tài chính.

41	ITS736	Core banking and E-Banking / Core banking và ngân hàng điện tử	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các hệ thống core banking và ngân hàng điện tử, bao gồm các khái niệm chính, phạm vi ứng dụng, các mô hình hệ thống, và các chiến lược phát triển của các hệ thống core banking và ngân hàng điện tử. Ngoài ra, môn học còn giới thiệu cho sinh viên tất cả các phân hệ cơ bản trong một hệ thống core banking. Môn học giúp cho người học được tiếp cận với các giải pháp core banking và ngân hàng điện tử phổ biến trong nước và trên thế giới, các hệ thống tích hợp với hệ thống core banking.
42	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ Corporate Finance	Môn học trang bị kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính của một doanh nghiệp, làm tiền đề để tiếp cận những lĩnh vực chuyên sâu. Trong môn học này sinh viên sẽ được tiếp cận những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp như giá trị của tiền tệ theo thời gian, mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro, chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy và các lý thuyết về cơ cấu vốn của doanh nghiệp.
43	FIN305	Quản trị tài chính doanh nghiệp/ Corporate Financial Management	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quản trị tài chính nhằm mục đích tăng giá trị doanh nghiệp. Các nội dung của môn học được bắt đầu bằng với những kiến thức liên quan đến quản trị tài sản ngắn hạn; tiếp đến, môn học cung cấp các kiến thức quản trị tài sản dài hạn thông qua việc hoạch định ngân sách vốn đầu tư. Sau đó, môn học cung cấp kiến thức về các nguồn tài trợ, chính sách cổ tức và lập kế hoạch tài chính và dự báo tài chính.
44	DIM703	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số / Entrepreneurship in The Digital Age	Môn học cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức và kỹ năng ứng dụng từ các lĩnh vực về quản trị, tài chính, nhân sự, Marketing để hình thành ý tưởng và hiện thực hóa ý tưởng khởi nghiệp. Nội dung bao gồm sáng tạo ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp và tổ chức hoạt động khởi nghiệp. Sau khi học xong, sinh viên có được khả năng: 1. Tìm kiếm và đánh giá ý tưởng; 2. Phân tích được thị trường và

			nhu cầu của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ; 3. Xây dựng được kế hoạch kinh doanh; 4. Triển khai thực hiện kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; 5. Định hướng trở thành doanh nhân
45	MAG323	Quản trị đổi mới và sáng tạo	Môn học nhằm trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trong quản trị đổi mới và kỹ năng cần thiết để quản trị hoạt động đổi mới trong một tổ chức ở cả cấp độ chiến lược và thực hiện. Với cách tiếp cận theo tình huống, môn học cung cấp các phương pháp quản trị đổi mới khác nhau dựa trên các ví dụ thực tế và kinh nghiệm của các tổ chức hàng đầu trên thế giới. Nội dung Quản trị đổi mới là một trong những khía cạnh quan trọng nhất và đầy thách thức của các tổ chức hiện đại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đổi mới trở thành vũ khí đặc biệt quan trọng và là một trình điều kiện cơ bản của năng lực cạnh tranh. Nhìn rộng ra, đổi mới có một vai trò lớn trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống. Đổi mới chưa bao giờ là một việc đơn giản. Đổi mới luôn khó khăn, không chắc chắn và chứa nhiều rủi ro. Thậm chí, khi đã có ý tưởng mới, việc biến nó thành sản phẩm thương mại sẽ còn vô vàn thách thức. Do vậy, điều quan trọng là học viên sau khi học xong môn học này sẽ hiểu được chiến lược, các công cụ và kỹ thuật cần thiết để quản trị đổi mới.
46		Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý / Applications of Artificial Intelligence in Business and Management	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý là môn học tự chọn định hướng liên ngành thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý. Môn học nhằm mục đích trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về trí tuệ nhân tạo (AI) và kiến thức chuyên sâu về đặc tính của các nhóm công cụ trí tuệ nhân tạo, bên cạnh đó phát triển kỹ năng phân tích, định dạng các vấn đề trong thực tiễn thành các hình thái tương thích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Sinh viên sẽ được hướng dẫn nhận biết các nhóm công cụ trí tuệ nhân

			tạo phù hợp với các nhu cầu cụ thể trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, cũng như được hướng dẫn các kỹ thuật nâng cao nhằm ứng dụng các công cụ này một cách hiệu quả.
47	ITS325	Kho dữ liệu và hệ hỗ trợ ra quyết định / Data Warehouse and Decision Support Systems	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và nền tảng về kho dữ liệu, quá trình thiết kế, cài đặt kho dữ liệu, khai phá dữ liệu và về hệ hỗ trợ ra quyết định với các thành phần và các mô hình. Môn học còn đề cập đến các công cụ và kỹ thuật giúp hình thành nên hệ hỗ trợ ra quyết định. Từ những kiến thức này, người học nhận thức được vai trò và ứng dụng của nó trong thực tiễn quản trị kinh doanh
48	ITS324	Khai phá dữ liệu / Data Mining	Môn học này nhằm giới thiệu quá trình khám phá tri thức, các khái niệm, công nghệ, và ứng dụng của khai phá dữ liệu. Cụ thể, môn học này trình bày các vấn đề tiền xử lý dữ liệu, các tác vụ khai phá dữ liệu, các giải thuật và công cụ khai phá dữ liệu mà có thể được dùng hỗ trợ nhà phân tích dữ liệu và nhà phát triển ứng dụng khai phá dữ liệu. Các chủ đề cụ thể của môn học bao gồm: tổng quan về khai phá dữ liệu, các vấn đề về dữ liệu được khai phá, các vấn đề tiền xử lý dữ liệu, phân tích hồi quy dữ liệu, phân lớp dữ liệu, gom cụm dữ liệu, khai phá luật kết hợp, phát triển ứng dụng khai phá dữ liệu
49	MAG309	Marketing Management / Quản trị marketing	Môn học cung cấp kiến thức cơ bản và khả năng áp dụng tiến trình quản trị marketing trong doanh nghiệp cũng như các loại hình tổ chức khác
50	MKE305	Marketing quốc tế / International Marketing	Marketing quốc tế cung cấp kiến thức cho người học về quy trình hoạch định, tổ chức và kiểm soát marketing trong môi trường kinh doanh quốc tế với nhiều nét khác biệt: nghiên cứu phân khúc lựa chọn thị trường; xây dựng các chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối, chiêu thị thâm nhập thị trường; quy trình xây dựng một kế hoạch marketing quốc tế.

51	MAG311	Human Resource Management / Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực nhằm trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về quản trị nguồn nhân lực hiệu quả trong tổ chức. Nó chú trọng vào việc cung cấp sự hiểu biết các kiến thức hiện đại về quản trị nguồn nhân lực, nắm được các kỹ năng, công cụ sử dụng để thực hiện các chức năng quản trị nguồn nhân lực và ứng dụng trong phân tích, đánh giá các nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực, hành vi của nhân viên trong thời đại nền kinh tế toàn cầu. Sau khi học xong học viên có thể đạt năng lực, kỹ năng hoạch định nguồn nhân lực, xây dựng dự án phân tích công việc, các hoạt động tuyển dụng, đào tạo – phát triển, đánh giá thành tích và chiến lược đãi ngộ nhằm xây dựng một nguồn nhân lực hiệu quả, năng động đáp ứng yêu cầu của chiến lược kinh doanh của tổ chức.
52	MAG306	Quản trị vận hành / Operation Management	Môn học trang bị kiến thức căn bản nhất để quản trị vận hành một hệ thống sản xuất trên cơ sở quan điểm hiện đại tại doanh nghiệp. Giúp cho sinh viên có được những nhận thức căn bản để phối hợp các công cụ và kỹ thuật để đảm bảo được năng suất và hiệu quả của sản phẩm trong quá trình vận hành.
53	MAG307	Supply Chain Management / Quản trị chuỗi cung ứng	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học được cái nhìn tổng quát quản trị doanh nghiệp trước khi đi vào chuyên sâu kỹ thuật quản trị.
54	ACC302	Kế toán tài chính / Financial Accounting	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị; nhận diện chi phí, phân loại chi phí theo các tiêu thức khác nhau từ đó vận dụng để phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập các dự toán ngân sách và cung cấp thông tin đánh giá trách nhiệm quản lý; định giá bán sản phẩm và các thông tin thích hợp trong việc

			ra quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp
55	ACC315	Kế toán quản trị / Management Accounting	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị; nhận diện và phân loại chi phí theo các tiêu thức khác nhau; phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng – lợi nhuận; lập dự toán ngân sách; đánh giá trách nhiệm quản lý và định giá bán sản phẩm; ứng dụng thông tin thích hợp trong việc ra quyết định của nhà quản trị
56	AUD301	Fundamentals of Auditing / Kiểm toán căn bản	Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nghề nghiệp kiểm toán. Cụ thể học phần này sẽ giúp người học đạt được kiến thức và kỹ năng về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính dựa trên khuôn khổ quy định pháp lý và nghề nghiệp kiểm toán.
Học phần định hướng chuyên sâu			
		Định hướng chuyên sâu - Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyển đổi số	
57	ITS319	Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm / Software Testing and Quality Assurance	Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm là môn học bắt buộc thuộc định hướng chuyên sâu Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyển đổi số. Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản liên quan đến chất lượng phần mềm, các nhân tố chất lượng, đảm bảo, đánh giá chất lượng phần mềm, các phương pháp và chiến lược kiểm thử phần mềm, các chuẩn thế giới về chất lượng phần mềm, các công cụ hỗ trợ việc đánh giá và đảm bảo chất lượng phần mềm.
58	ITS323	Kiểm toán và kiểm soát hệ thống thông tin / Information Systems Audit and Control	Kiểm toán & kiểm soát hệ thống thông tin là môn học bắt buộc thuộc định hướng chuyên sâu Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyển đổi số. Môn học này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về

			lĩnh vực kiểm toán hệ thống thông tin, quy trình cũng như nội dung của công tác kiểm toán hệ thống thông tin trong hoạt động doanh nghiệp nhằm đảm bảo khả năng phòng ngừa rủi ro, khôi phục sau thảm họa và kinh doanh liên tục.
59	ITS735	Business Process Management / Quản lý quy trình nghiệp vụ	Môn học cung cấp các kiến thức về quản lý quy trình; mô tả các giai đoạn, các công cụ, các kỹ thuật hỗ trợ nhằm phân tích, thiết kế, thực hiện chuyển đổi, đánh giá và quản lý quy trình kinh doanh của doanh nghiệp. Môn học hướng dẫn sinh viên tiếp cận việc sử dụng các phương pháp mô hình hóa và mô phỏng quy trình nghiệp vụ của doanh nghiệp, để đo lường, đánh giá và so sánh hiệu quả hoạt động của các quy trình hoạt động khác nhau, từ đó giúp cho doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực gồm nhân sự, quy trình và thông tin và có thể dễ dàng tái cấu trúc quy trình, tích hợp các quy trình từ các tổ chức khác nhau.
60	ITS745	Information Systems Project Management / Quản trị dự án hệ thống thông tin	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về thiết lập dự án và quản lý dự án Hệ thống thông tin trong một tổ chức /doanh nghiệp, đồng thời nhằm nâng cao kỹ năng giải quyết của người học đối với những vấn đề thực tiễn và những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình hình thành và thực hiện dự án HTTT.
61	ITS332	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở / Developing Open Source Software	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cụ thể về phát triển ứng dụng mã nguồn mở, nhờ vậy sinh viên có thể chọn lựa chính xác công cụ và phần mềm mã nguồn mở thích hợp để phát triển ứng dụng cần thiết trong lĩnh vực tin học và công nghệ thông tin. Sinh viên chọn hướng này cần phải yêu thích việc lập trình xây dựng ứng dụng và tự đầu tư rất nhiều thời gian tìm hiểu các sự thay đổi thường xuyên và những cập nhật mới trong lĩnh vực phần mềm mã nguồn mở.

62	ITS737	Digital Business Transformation / Chuyển đổi kinh doanh số	Chuyển đổi kinh doanh số được ra đời trong thời đại bùng nổ Internet, mô tả những hoạt động đổi mới một cách mạnh mẽ và toàn diện trong cách thức hoạt động của toàn doanh nghiệp, ở tất cả những khía cạnh như cung ứng, sản xuất, hợp tác, mối quan hệ khách hàng hoặc thậm chí là tạo ra những doanh nghiệp mới với cách thức hoạt động mới mẻ hoàn toàn. Môn học tiếp cận quá trình chuyển đổi hoàn chỉnh áp dụng số hóa và ứng dụng số hóa ở các cấp độ cao, mô tả những chuyển đổi vô cùng lớn ở quy mô doanh nghiệp và thị trường.
		Định hướng chuyên sâu - Quản trị thương mại điện tử	
63	ITS748	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng / UI and UX Design	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu Quản trị thương mại điện tử. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các nguyên lý về thiết kế ứng dụng hoặc trang web như nguyên lý về bố cục, màu sắc. Ngoài ra học phần giúp người học có tư duy quy trình thiết kế từ khi nhận yêu cầu tới hoàn thiện sản phẩm.
64	ITS740	Electronic Marketing / Marketing điện tử	Môn học cung cấp kiến thức về quá trình marketing ứng dụng công nghệ số, bằng các phương tiện điện tử và Internet: phạm vi, môi trường, chiến lược và quản trị marketing điện tử trong doanh nghiệp. Môn học cung cấp kiến thức marketing điện tử B2C, B2B; truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC) với các công cụ website, mạng xã hội, diễn đàn, công cụ tìm kiếm, thiết bị di động,...; quản trị quan hệ khách hàng điện tử,; đo lường hiệu quả của marketing điện tử. Từ đó, có thể vận dụng các kiến thức marketing điện tử vào phân tích và đề xuất các giải pháp marketing hiệu quả cho những tình huống thực tế.
65	ITS750	Operational Management in E-Commerce / Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị vận hành thương mại điện tử như các mô hình, hợp đồng điện tử, thanh toán điện tử, quản trị quan hệ khách hàng, chuỗi cung ứng, hệ kinh doanh điện

			tử, chiến lược kinh doanh điện tử, các mô hình kinh doanh điện tử, kiến trúc hệ kinh doanh điện tử, cơ sở hạ tầng cho hệ kinh doanh điện tử, kế hoạch hiện thực hệ kinh doanh điện tử. Bên cạnh đó thông qua các bài tập tình huống sẽ giúp cho người học có thể tìm hiểu về chiến lược kinh doanh điện tử của một tổ chức, cách tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh điện tử, một số nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh điện tử.
66	ITS741	Electronic Payment system / Hệ thống thanh toán điện tử	Môn học này cung cấp những kiến thức tổng quan về Hệ thống thanh toán điện tử và vai trò của nó trong thực hiện hoạt động kinh doanh và thương mại điện tử. Các kiến thức tổng quan bao gồm các hình thức khác nhau của tiền điện tử, cách thức để tiền lưu thông trong các hệ thống thanh toán điện tử, an ninh của các hệ thống được bảo đảm ra sao, vai trò đặc biệt của các hệ thống thanh toán điện tử trong nền thương mại toàn cầu. Học phần sẽ cung cấp cách thức để tổ chức có thể lựa chọn một phương thức thanh toán phù hợp để phù hợp với mô hình kinh doanh cụ thể sử dụng công nghệ và thích nghi nhanh chóng với sự thanh đổi của công nghệ.
67	ITS340	Phân tích và tối ưu hóa bộ máy tìm kiếm / Search Engine Optimization and Web Analytics	Môn học này cung cấp các khái niệm, kỹ thuật và phương pháp để phân tích và cải thiện khả năng hiển thị của một trang web trên công cụ tìm kiếm thông qua kết quả tìm. Người học sẽ hiểu được cách công cụ tìm kiếm hoạt động, từ khoá trên công cụ tìm kiếm, cách tối ưu hóa công cụ tìm kiếm. Môn học sẽ nhấn mạnh mối quan hệ của tối ưu hóa công cụ tìm kiếm với tiếp thị kỹ thuật số để xây dựng các trang web chất lượng cao nhằm thu hút người tiếp cận.
68	ITS717	Thương mại xã hội / Social Commerce	Môn học giúp đo lường mức độ mà người tiêu dùng tương tác với các hoạt động marketing của các tổ chức. Tiếp cận thương mại trên mạng xã hội tạo ra các thông điệp và tính năng tương tác thúc đẩy

			bán hàng trực tuyến và các sáng kiến thương mại điện tử khác. Môn thương mại xã hội cũng chỉ ra các chiến lược và chiến thuật marketing được sử dụng trong thương mại trên mạng xã hội.
	Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp		
69	INT703	Thực tập cuối khóa ngành Hệ thống thông tin quản lý / Internship	Môn học hướng dẫn sinh viên tham quan, khảo sát, nghiên cứu, thực hành các hoạt động hệ thống thông tin trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý tại các tổ chức có yếu tố nước ngoài ... Thông qua quá trình thực tập, sinh viên sẽ ứng dụng các kiến thức đã học vào môi trường kinh doanh thực tế để hiểu rõ hơn lý thuyết, giúp sinh viên bổ sung các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho tương lai và đóng góp các ý kiến cho đơn vị tại nơi thực tập.
	Định hướng nghiên cứu		
70	REP703	Khóa luận tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý / Graduation Report	Khóa luận tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý là một sản phẩm khoa học, phản ánh kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên về lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của người hướng dẫn khoa học, sinh viên sẽ ứng dụng kiến thức chuyên ngành và phương pháp đã được học để nghiên cứu một vấn đề thực tiễn. Từ đó gợi ý đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Sinh viên được khuyến khích thực hiện khóa luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh
	Định hướng ứng dụng		
71	ITS738	Đồ án ngành Hệ thống thông tin quản lý / Management Information Systems Project	Sinh viên sẽ nhận được một chủ đề liên quan đến ngành học hoặc học viên tự đề xuất chủ đề. Sau đó dựa vào những kiến thức được cung cấp trong suốt chương trình học, sinh viên sẽ tiến hành nghiên cứu trên chủ đề của đồ án và vận dụng các kiến thức của các học phần cơ sở ngành, để rèn luyện kỹ năng phát triển một ứng dụng có kết nối cơ sở dữ liệu, nhằm giải quyết một bài toán của hệ thống thông tin

			thực tế đặt ra. Thông qua môn học, SV nhận biết các vấn đề, nghiên cứu và đề xuất các giải pháp, trình bày giải pháp cho người khác.
72	ITS729	Phát triển ứng dụng di động / Developing Mobile Applications	Phát triển ứng dụng trên di động với những ngôn ngữ lập trình để viết app phát triển những ứng dụng để gia tăng tới mức tốt nhất tiện ích cho thiết bị di động. Hai hệ điều hành được sử dụng phổ biến hiện nay là iOS và Android thì việc có thể thiết kế app mobile phù hợp sẽ đáp ứng tốt cho những yêu cầu, đòi hỏi thực tế của con người. Môn học giúp phát triển những ứng dụng cơ bản như chat, game, từ điển, đọc truyện, tổng hợp thông tin chứng khoán, giá vàng, hay truy cập mạng xã hội, ứng dụng cho cá nhân và doanh nghiệp.
73	ITS751	Social Networking Analytics / Phân tích dữ liệu mạng xã hội	Môn học nhằm giới thiệu các khái niệm và lý thuyết về phân tích dữ liệu web và mạng xã hội như các khái niệm, các phương pháp, kỹ thuật và công cụ, từ đó giúp người học có thể vận dụng một số công cụ nhằm khám phá thông tin qua việc lập hồ sơ khách hàng, cộng đồng, xác định xu hướng, định vị mục tiêu, phân tích quan điểm và phát triển các hệ thống khuyến nghị.

17. Hướng dẫn thực hiện

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học theo file đính kèm.

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT
TRƯỞNG KHOA